

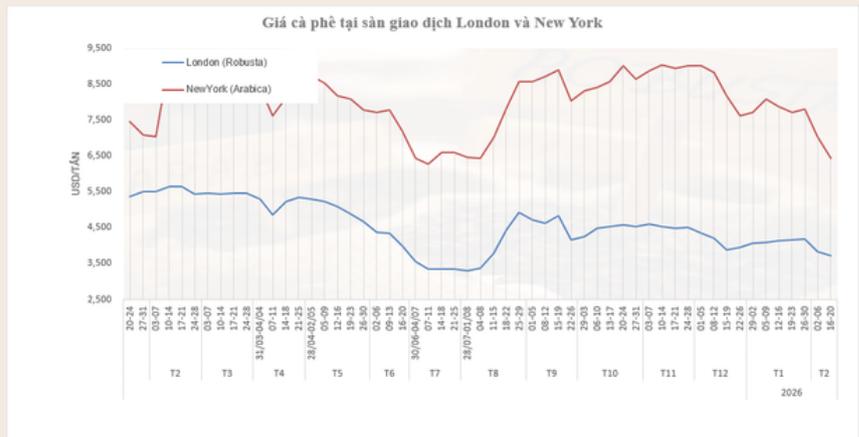
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên hai sàn giao dịch New York và London giảm trong tuần từ 16/02/2025 - 20/02/2026.
- Giá cà phê thế giới giảm do triển vọng nguồn cung dồi dào và tồn kho ICE hồi phục.
- 7 tháng đầu niên vụ cà phê 2025/2026, xuất khẩu cà phê Arabica Brazil đạt 18,66 triệu bao, giảm 16,42% so với cùng kỳ niên vụ trước.
- Chính phủ Philippines quyết định thành lập Văn phòng Phát triển Ngành Cà phê (CIDO).

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 16/02/2026 đến 20/02/2026, giá cà phê thế giới giảm trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 03/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.733 USD/tấn, giảm 3,2% so với tuần trước và giảm 34% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.852 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.666 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2026 bình quân đạt 6.433 USD/tấn, giảm 8,8% so với tuần trước, và giảm 29,8% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 6.615 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.260 USD/tấn.[1]

GIÁ CÀ PHÊ ĐẠT MỨC THẤP NHẤT TRONG 6 THÁNG

Giá cà phê thế giới giảm mạnh trước triển vọng vụ mùa bội thu tại Brazil, với giá cà phê Arabica kì hạn tháng 3 giảm 5,23% xuống mức thấp nhất trong 7,25 tháng và Robusta giảm 5,14%, chạm đáy 6 tháng. Áp lực giảm giá gia tăng sau khi Cơ quan Dự báo mùa vụ Brazil (Conab) dự báo sản lượng cà phê Brazil năm 2026 đạt kỷ lục 66,2 triệu bao, tăng 17,2% so với cùng kỳ; trong đó Arabica đạt 44,1 triệu bao (tăng 23,2%) và Robusta đạt 22,1 triệu bao (tăng 6,3%). Lượng mưa tại Minas Gerais đạt 72,6 mm trong tuần kết thúc ngày 6/2, tương đương 113% trung bình lịch sử, tiếp tục cải thiện triển vọng nguồn cung.[2]

Đồng thời, xuất khẩu cà phê Việt Nam tăng mạnh, tháng 1/2026 đạt 198.000 tấn (tăng 38,3% so với cùng kỳ), cả năm 2025 đạt 1,58 triệu tấn (tăng 17,5%); sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2025/26 dự kiến tăng 6% lên 1,76 triệu tấn (29,4 triệu bao).[2]

Tồn kho do ICE phục hồi cũng gây áp lực giảm giá. Tuy nhiên, xuất khẩu Brazil tháng 1/2026 giảm 42,4% và sản lượng Colombia tháng 1/2026 giảm 34% phần nào hỗ trợ thị trường.[2]

Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu giảm 0,3%, trong khi FAS dự báo sản lượng cà phê thế giới 2025/26 đạt kỷ lục 178,85 triệu bao nhưng tồn kho cuối kỳ giảm 5,4%. [2]

BRAZIL

Trong niên vụ cà phê Brazil từ tháng 7/2025 đến tháng 6/2026, xuất khẩu lũy kế Arabica trong bảy tháng đầu niên vụ đạt 18,66 triệu bao, giảm 16,42% so với cùng kỳ niên vụ trước. Xuất khẩu Conilon Robusta đạt 2,69 triệu bao, giảm 49,54%, trong khi xuất khẩu cà phê hòa tan và sản phẩm giá trị gia tăng đạt 2,03 triệu bao, giảm 22,22%. Diễn biến này phản ánh tác động của mức tồn kho chuyển tiếp thấp và sản lượng Arabica niên vụ 2025/2026 suy giảm; đồng thời, dù Conilon Robusta đạt sản lượng kỷ lục, nhu cầu tiêu dùng cà phê nội địa cao đã hạn chế khối lượng dành cho xuất khẩu.[3]

Brazil tiếp tục giữ vị thế nhà sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, với thị phần bình quân 5 năm khoảng 32%, tương đương 38,5 triệu bao cà phê nhân quy đổi mỗi năm, chủ yếu là Arabica chế biến khô cùng Robusta và sản phẩm chế biến sâu. Đối với niên vụ 7/2026–6/2027, sản lượng Arabica được dự báo phục hồi lên khoảng 48 triệu bao, trong khi Conilon có thể giảm còn khoảng 24 triệu bao, góp phần củng cố cân bằng cung cầu và bổ sung tồn kho toàn cầu đến năm 2027.[3]

PHILIPPINE

Chính phủ Philippines quyết định thành lập Văn phòng Phát triển Ngành Cà phê (CIDO). Theo chỉ đạo của Bộ trưởng Nông nghiệp Francisco P. Tiu Laurel Jr., CIDO sẽ trực thuộc Văn phòng Thứ trưởng phụ trách Các vấn đề Đặc biệt và Hỗ trợ Phát triển Chính thức thuộc Bộ Nông nghiệp, đồng thời tập trung hóa các chương trình, nguồn lực tài chính và chính sách trước đây phân tán ở nhiều đơn vị khác nhau.[4]

CIDO có nhiệm vụ chủ trì xây dựng kế hoạch, xác định thứ tự ưu tiên chương trình, giám sát kết quả thực hiện tại các cục và văn phòng khu vực, bảo đảm sự thống nhất với các mục tiêu nông nghiệp quốc gia. Văn phòng này cũng sẽ tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp và tổ chức nông dân, đồng thời đề xuất cải cách nhằm khắc phục khoảng trống chính sách và thực thi. Trong bối cảnh tiêu dùng cà phê gia tăng mạnh, song sản xuất nội địa trì trệ do lực lượng lao động già hóa, hạn chế tiếp cận đầu vào và hạ tầng yếu kém, việc thành lập CIDO được xem là giải pháp cấp thiết nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giảm phụ thuộc nhập khẩu.[4]

ẢNH HƯỞNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐỐI VỚI NGÀNH CÀ PHÊ TOÀN CẦU

Nghiên cứu của Climate Central cho thấy các quốc gia trồng cà phê đang trở nên quá nóng đối với canh tác, 5 quốc gia với 75% nguồn cung toàn cầu đã ghi nhận trung bình thêm 57 ngày nắng nóng vượt ngưỡng gây hại mỗi năm do biến đổi khí hậu. Cây cà phê, đặc biệt là giống Arabica chất lượng cao, nhạy cảm với nhiệt độ trên 30°C và phụ thuộc chặt chẽ vào điều kiện nhiệt – ẩm. El Salvador chịu tác động nghiêm trọng nhất với 99 ngày nóng tăng thêm; Brazil (37% sản lượng toàn cầu) ghi nhận thêm 70 ngày; Ethiopia (6,4% sản lượng) thêm 34 ngày. Tại Ethiopia, nơi hơn 4 triệu hộ phụ thuộc vào cà phê và ngành này đóng góp gần 1/3 kim ngạch xuất khẩu, năng suất suy giảm và rủi ro dịch bệnh gia tăng khi thiếu bóng che. Trong bối cảnh khoảng 2 tỷ tách cà phê được tiêu thụ mỗi ngày, giá Arabica và Robusta gần như tăng gấp đôi giai đoạn 2023–2025 và lập đỉnh tháng 2/2025. Tuy nhiên, nông hộ nhỏ—đóng góp 60–80% sản lượng—chỉ tiếp cận 0,36% nguồn tài chính thích ứng năm 2021, cho thấy nhu cầu cấp thiết về hành động khí hậu và hỗ trợ thích ứng.[5]

USDA HỖ TRỢ SẢN XUẤT CÀ PHÊ

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã công bố gói hỗ trợ trị giá 1 tỷ USD dành cho các nhà sản xuất cây trồng đặc sản, bao gồm cà phê, thông qua Chương trình Hỗ trợ Nông dân Cây trồng Đặc sản (ASCF). Theo quy định, các nhà sản xuất phải bảo đảm báo cáo diện tích gieo trồng năm 2025 đầy đủ và chính xác, hoàn tất trước ngày 13/3/2026 tại cơ quan Dịch vụ Nông trại (FSA) địa phương.[6]

Khoản chi trả được xác định trên cơ sở diện tích canh tác và mức hỗ trợ riêng theo từng loại cây trồng, nhằm giảm thiểu tác động ngắn hạn từ chi phí đầu vào gia tăng và các biến động thị trường bất lợi. Tuy nhiên, USDA chưa công bố mức hỗ trợ cụ thể cho từng mặt hàng.[6]

Chương trình ASCF bao phủ hơn 100 loại cây trồng đặc sản và đường - vốn không thuộc phạm vi gói hỗ trợ “Farmer Bridge Assistance” trị giá 11 tỷ USD trước đó (tập trung vào cây lương thực như ngô, lúa mì, đậu tương).[6]

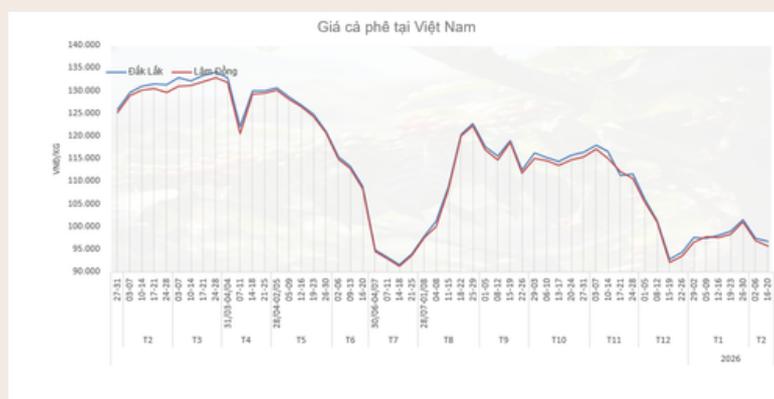
Chương trình ASCF tại Hawaii, Puerto Rico, và California diễn ra trong bối cảnh tổng sản lượng cà phê niên vụ 2025–2026 ước tính giảm khoảng 20%, còn 8,070 tấn cà phê.[6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng giảm và Đắk Lắk giảm so với tuần trước.
- Tháng 1/2026, xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 224.348 tấn với kim ngạch 1,08 tỷ USD, tăng 56,4% về lượng và 39,5% về trị giá so với cùng kỳ 2025.
- Việt Nam là nhà cung cấp cà phê lớn thứ ba cho Trung Quốc với 36,1 nghìn tấn, tương đương 227,1 triệu USD.
- Đến hết năm 2025, diện tích cà phê tỉnh Lâm Đồng đạt 328.650 ha, sản lượng 1.028.393 tấn.
- Niên vụ 2025/2026, Sơn La duy trì khoảng 24.300 ha cà phê, với sản lượng đạt 300.000 tấn.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 16/02/2026 đến ngày 20/02/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 96.833 VNĐ/kg, giảm 0,7% so với tuần trước, và giảm 26,1% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 97.633 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 93.633 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 95.760 VNĐ/kg, giảm 1,3% so với tuần trước, và giảm 26,4% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 96.400 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 93.200 VNĐ/kg. [1]

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ VIỆT NAM ĐẦU NĂM 2026

Tháng 1/2026, xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 224.348 tấn với kim ngạch 1,08 tỷ USD, tăng 56,4% về lượng và 39,5% về trị giá so với cùng kỳ 2025, qua đó vượt thủy sản để trở thành nhóm hàng nông sản có kim ngạch cao thứ hai sau gỗ và sản phẩm gỗ. Tuy nhiên, giá xuất khẩu bình quân giảm xuống 4.820 USD/tấn, mức thấp nhất trong 18 tháng, giảm 10,8% so với cùng kỳ, phản ánh áp lực dư cung và diễn biến giảm của thị trường quốc tế. EU tiếp tục là thị trường chủ lực, chiếm trên 45% kim ngạch; Đức, Tây Ban Nha và Italy duy trì vai trò dẫn dắt. Xuất khẩu sang Algeria, Nga, Mỹ, Nhật Bản và đặc biệt Ấn Độ tăng mạnh. Từ đầu niên vụ 2025–2026 đến nay, nguồn cung cải thiện tại Brazil và Indonesia, cùng tồn kho chuyển tiếp và tiến độ bán ra cao hơn trong nước, gây sức ép lên giá; giá nội địa Tây Nguyên giảm còn khoảng 94.300–95.600 VNĐ/kg. Dù vậy, nông dân hiện vẫn nắm giữ trên 50% sản lượng, tạo kỳ vọng phục hồi ngắn hạn trong bối cảnh giá cà phê trên thị trường có dấu hiệu giảm sâu kéo dài.[2]

TRIỂN VỌNG CÀ PHÊ VIỆT NAM TẠI THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

Năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu cà phê từ 66 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó Ethiopia, Brazil và Việt Nam là ba nguồn cung lớn nhất. Ethiopia dẫn đầu với 72,8 nghìn tấn, trị giá 494,9 triệu USD, tăng mạnh cả về lượng và giá trị, nâng thị phần lên 26,65%. Brazil đứng thứ hai với 69,2 nghìn tấn, đạt 506 triệu USD, giảm về lượng nhưng tăng về trị giá. Việt Nam xếp thứ ba, đạt 36,1 nghìn tấn, tương đương 227,1 triệu USD; dù lượng giảm 11,2%, kim ngạch vẫn tăng 6%, song thị phần giảm còn 13,2%. Theo Grand View Research, quy mô thị trường cà phê Trung Quốc đạt 3,06 tỷ USD năm 2024 và dự kiến tăng lên 4,47 tỷ USD vào năm 2030, với tốc độ tăng trưởng kép khoảng 6,5%/năm. Nhu cầu tiêu dùng gia tăng nhờ mở rộng sản phẩm chế biến và sự phát triển văn hóa cà phê đô thị; trong đó cà phê rang chiếm doanh thu lớn nhất, còn cà phê hòa tan tăng trưởng nhanh. Để tận dụng cơ hội, doanh nghiệp Việt Nam cần đẩy mạnh chế biến sâu, bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc.[3]

LÂM ĐỒNG

Giai đoạn 2020–2025, sản xuất cà phê của tỉnh Lâm Đồng phát triển theo chiều sâu, chuyển mạnh sang thâm canh, nâng cao năng suất và chất lượng nhằm gia tăng giá trị và củng cố thương hiệu trên thị trường quốc tế. Đến hết năm 2025, diện tích cà phê đạt 328.650 ha, sản lượng 1.028.393 tấn, tăng tương ứng 6,73% và 19,92% so với năm 2020; năng suất bình quân tăng 10,56%, đạt trên 3,3 tấn nhân/ha nhờ đẩy mạnh tái canh và áp dụng quy trình canh tác bền vững. Gần 119.000 ha được chứng nhận VietGAP, 4C, UTZ, Rainforest hoặc hữu cơ; khoảng 38.180 ha áp dụng tưới tiết kiệm; 6 vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao với 2.268,5 ha; hơn 435 ha được cấp mã số vùng trồng. Chương trình tái canh 2021–2025 đạt 45.644 ha (85,07% kế hoạch), huy động trên 652,7 tỷ đồng tín dụng ưu đãi và hỗ trợ 5,2 triệu cây giống chất lượng cao; hình thành 65 chuỗi liên kết với sự tham gia của 117 hợp tác xã, 34 doanh nghiệp và gần 30.000 hộ. Giai đoạn 2026–2030, Lâm Đồng dự kiến tái canh 25.000 ha, ưu tiên giống chuẩn và kỹ thuật IPM, tưới tiết kiệm, gắn với mục tiêu thích ứng EUDR.[4]

SƠN LA

Niên vụ 2025–2026, Sơn La duy trì khoảng 24.300 ha cà phê, chủ yếu Arabica, với sản lượng trên 300.000 tấn quả tươi; giá thu mua đạt 28.000–30.000 VNĐ/kg, góp phần nâng cao thu nhập và tạo việc làm khu vực nông thôn. Tuy nhiên, đặc thù chế biến quả tươi trong vòng 24 giờ làm gia tăng áp lực môi trường khi phần lớn sản lượng được sơ chế tại các cơ sở nhỏ lẻ; toàn tỉnh mới có 5 cơ sở tập trung, đáp ứng khoảng 25% sản lượng. Gia tăng quy mô thu mua kéo theo lượng nước thải lớn, trong bối cảnh hạ tầng thu gom, xử lý chưa đồng bộ, làm gia tăng rủi ro ô nhiễm nguồn nước. Trước thực trạng này, tỉnh ban hành Công văn 6451/UBND-KT (31/10/2025), yêu cầu kiểm soát nghiêm xả thải, tăng cường thanh tra và xử lý vi phạm; đồng thời khuyến khích mô hình sơ chế ướt tuần hoàn, tái sử dụng nước và quy hoạch điểm chế biến tập trung gắn vùng nguyên liệu. Quan điểm xuyên suốt là phát triển cà phê bền vững, không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng, nhằm bảo đảm ổn định dài hạn cho ngành hàng.[5]



GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	96.400	96.400	96.400	96.400	93.200	95.760	-1.260
Di Linh	96.400	96.400	96.400	96.400	93.200	95.760	-1.260
Lâm Hà	96.400	96.400	96.400	96.400	93.200	95.760	-1.260
Bảo Lộc	96.400	96.400	96.400	96.400	93.200	95.760	-1.260
ĐẮK LẮK	97.633	97.633	97.633	97.633	93.633	96.833	-687
Cư M'gar	97.700	97.700	97.700	97.700	93.700	96.900	-820
Ea H'leo	97.600	97.600	97.600	97.600	93.600	96.800	-620
Buôn Hồ	97.600	97.600	97.600	97.600	93.600	96.800	-620
GIA LAI	97.633	97.633	97.633	97.633	93.533	96.813	-707
Chư Prông	97.700	97.700	97.700	97.700	93.600	96.880	-640
Pleiku	97.600	97.600	97.600	97.600	93.500	96.780	-740
La Grai	97.600	97.600	97.600	97.600	93.500	96.780	-740
Quảng Ngãi	97.600	97.600	97.600	97.600	93.500	96.780	-740
Kon Tum	97.600	97.600	97.600	97.600	93.500	96.780	-740

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
[2]: <https://www.nasdaq.com>
[3]: <https://www.iandmsmith.com>
[4]: <https://www.gcrmag.com>
[5]: <https://www.theguardian.com>
[6]: <https://dailycoffeenews.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
[2]: <https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>
[3]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
[4]: <https://baolamdong.vn>
[5]: <https://baosonla.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn; Website: www.agro.gov.vn